TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 560/2018/LĐ - PT
Ngày: 07-6-2018
V/v tranh chấp về tiền lương và Bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa.

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị liên

Bà Phan Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Công Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 25 tháng 5 năm 2018 và ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2017/TLPT-LĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp về tiền lương và Bảo hiểm xã hội".

Do bản án lao động sơ thẩm số 31/2017/LĐ - ST ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2015/2018/QĐ - PT ngày 07 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Chu Văn M; địa chỉ: Số 77 đường số MB, phường TK, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Vận tải BB; địa chỉ: Số 278 đường TDT, quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 302/UQ-PĐ ngày 07/12/2017); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH TB; địa chỉ: Số 56 đường NVL, phường DHK, quận LC, Thành phố Hải Phòng; người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn C; địa chỉ: Số 39 đường MVV, phường TQ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền; xin vắng mặt;

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải BBHP; địa chỉ: Số 102 đường LTK, phường QT, quận HB, Thành phố Hải Phòng; xin vắng mặt;

- Bảo hiểm xã hội TPHN; địa chỉ: 142A đường DC, phường BD, Thành phố Hà Nội; xin vắng mặt;

- Ông Đinh Ngọc L; Địa chỉ: số 12 Ngõ 2B đường PNL, phường LKT, quận NQ, Thành phố Hải Phòng; có đơn xin vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Chu Văn M, là nguyên đơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 25 tháng 02 năm 2016 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn-Ông Chu Văn M trình bày:

Ông bắt đầu làm việc cho Công ty Cổ phần Vận tải BB (sau đây gọi tắt là Công ty BB) theo Quyết định số 138/TV/08A-03/08 ngày 08/3/2008 điều động ông xuống tàu LB làm thuyền trưởng. Ông làm việc tại Công ty BB cho đến khi nghỉ hưu vào ngày 01/02/2014, do ông cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên lương hưu hàng tháng ông nhận tại Bảo hiểm xã hội Quận 7.

Thực tế ông làm việc cho Công ty BB từ ngày 08/3/2008 nhưng Công ty không nộp các khoản bảo hiểm cho ông trong thời gian từ tháng 07/2008 đến tháng 11/2008. Từ ngày 19/5/2012 đến ngày 16/10/2012 ông có ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH TB và làm việc trên tàu TB 36 với mức lương 55.000.000 đồng/tháng; ông ký hợp đồng lao động và làm việc cho Công ty TB trong thời gian còn làm việc cho Công ty BB là theo sự gợi ý và đồng ý của ông Đinh Ngọc L, sau đó là ông Trần Văn L giám đốc Trung tâm thuyền viên; hàng tháng ông đều trích nộp từ tiền lương làm việc trên tàu TB cho Công ty BB với số tiền hàng tháng khoảng hơn 12.000.000 đồng. Do đó, Công ty BB chỉ đóng bảo hiểm cho ông theo mức lương 4.600.000 đồng/tháng là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông sau này. Sau khi ông nghỉ hưu, Công ty BB có mời ông tiếp tục làm việc, ông đồng ý. Ngày 30/5/2014 Công ty có quyết định điều động ông xuống tàu NH làm việc với chức danh thuyền trưởng và được hưởng lương theo mức lương tàu biển có tải trọng dưới 10.000 tấn.

Thời gian ông M làm việc trên tàu NH, hai bên có không ký hợp đồng lao động nhưng có thỏa thuận với mức lương 34.000.000 đồng/tháng, ông M làm việc trên tàu NH với chức danh thuyền trưởng từ ngày 30/5/2014 đến ngày 10/01/2015 thì chấm dứt làm việc, ông bàn giao và rời tàu ngày 10/01/2015. Trong thời gian làm việc trên tàu NH ông có nhận được khoảng tiền tạm ứng 174.000.000 đồng từ Công ty, khoản tiền này ông đã thanh toán các khoản chi phí và tiền ăn cho thuyền viên trên tàu. Công ty BB không trả lương cho ông trong thời gian làm việc trên tàu NH nên phát sinh tranh chấp.

Ngày 25/02/2016 ông có đơn khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu: Công ty BB phải nộp bảo hiểm cho ông từ tháng 06/2008 đến hết tháng 11/2008; Công ty BB phải nộp tiền bảo hiểm cho ông theo mức lương 55.000.000 đồng/tháng từ tháng 05/2012 cho đến khi ông nghỉ hưởng lương hưu; Công ty phải trả tiền lương cho ông trong khoản thời gian ông làm việc trên tàu NH từ ngày 30/5/2014 đến ngày

10/01/2015 với mức lương 34.000.000 đồng/tháng, vì Công ty chậm trả lương nên ông yêu cầu Công ty phải trả tiền lãi đối với số tiền lương chậm trả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2016 và bổ sung thêm các yêu cầu sau đối với bị đơn:

- Bồi thường các khoản tiền thiệt hại hàng tháng do kiện tụng, tranh chấp với Công ty BB từ ngày 10/01/2015 đến ngày 30/8/2017 vì không đi làm được nên mất thu nhập, cụ thể: (23.590.000 đồng x 31 tháng = 731.290.000 đồng).

- Chậm thanh, quyết toán tiền ăn của thuyền viên tàu NH từ ngày 30/5/2014 đến ngày 10/01/2015 là 106.200.000 đồng.

- Chi phí tiếp khách trong thời gian làm thuyền trưởng tàu NH của ông là 51.486.000 đồng.

- Thanh toán các khoản tiền công do các thuyền viên trên tàu NH phải đảm nhận, kiêm nhiệm thêm từ ngày 30/5/2014 đến ngày 10/01/2015, bao gồm: tiền công làm việc thay Hoa tiêu là 18.000.000 đồng, thuyền viên phải đảm nhiệm thêm chức trách là 56.000.000 đồng, thuyền trưởng phải đảm nhận thêm các chức danh khác trên tàu không có là 63.090.000 đồng; tổng cộng là 137.090.000 đồng.

- Tiền thuốc điều trị đau răng do đi khởi kiện là 10.000.000 đồng.

- Tiền bồi dưỡng ngày Lễ, Tết (ngày 30/4 và 1/5/2014, ngày 02/9/2014, ngày 01/01/2015) cho các thuyền viên trên tàu NH là 12.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa những người đại diện của bị đơn - Công ty Cổ phần Vận tải BB trình bày:

Tại Quyết định số 138/TV/08-03/08 ngày 08/3/2008, ông M được Công ty BB điều động xuống tàu LB làm việc với chức danh Thuyền trưởng tàu vận tải biển. Khi quyết định điều động ông M xuống tàu LB làm việc, ông M đang tham gia chế độ bảo hiểm và hưởng lương tại Công ty Cổ phần Vận tải BVN và Công ty BB đã thực hiện việc thuê khoán thời vụ lao động, lương trọn gói với ông M trong khoản thời gian này. Sau khi ông M hoàn tất các thủ tục thôi việc ở Công ty Vận tải BVN, nhận hồ sơ giấy tờ từ Công ty Vận tải B (giấy thôi trả lương, sơ yếu lý lịch, quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty Vận tải B, quyết định kết nạp và chuyển sinh hoạt Đảng, các quyết định về lương trong thời gian ông M làm việc tại Công ty Vận tải B, Sổ Bảo hiểm xã hội …). Ngày 12/12/2008 Công ty BB đã chính thức tiếp nhận và ký hợp đồng lao động với ông M (hợp đồng số 1192/HĐLĐ-VTBB, ngày 12/12/2008), điều động ông M nhận nhiệm vụ Thuyền trưởng tàu HS (Quyết định số 1085/QĐ-VTBB/13A-12/08 ngày 13/12/2008). Ngay sau khi ký hợp đồng, Công ty BB đã bố trí việc làm phù hợp cho ông M trên đội tàu biển của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi, chế độ theo các quy định của Bộ luật lao động, ông M không khiếu nại thắc mắc gì về mức lương, nộp bảo hiểm của ông trong thời gian này. Ông M làm việc tại Công ty BB đến tháng 12/2013 thì nghỉ hưu theo quy định. Khi ông M nghỉ hưởng lương hưu, Công ty đã làm các thủ tục nhận lương hưu, trả sổ Bảo hiểm cho ông M, ông biết rõ mức lương hưu hàng tháng, căn cứ tính hưởng

lương hưu (thể hiện rõ trên sổ) ông cũng không có khiếu nại thắc mắc gì. Trong thời gian làm việc cho Công ty, ông M đã tự ý ký hợp đồng lao động có thời hạn với Công ty TB, Công ty hoàn toàn không biết, Công ty không đồng ý và ông M cũng không có trích nộp khoản tiền nào từ khoản tiền lương làm việc trên tàu TB 36 như ông M trình bày.

Công ty BB xác định không có ký hợp đồng hay thỏa thuận lao động nào với với ông M như ông trình bày. Ông M làm việc trên tàu NH là thực hiện theo hợp đồng liên kết cung ứng thuyền viên số 02-2013 được ký kết giữa Công ty BB và Công ty BBHP ngày 02/01/2013. Theo đó, khi có nhu cầu về từng vị trí làm việc trên tàu thì Công ty BB thông báo cho Công ty BBHP, Công ty BBHP chọn lựa người cho phù hợp từng vị trí rồi thông báo cho Công ty BB, khi được đồng ý tiếp nhận thì Công ty BBHP có quyết định điều động, biệt phái đồng thời kèm theo bản gốc các chứng chỉ, giấy tờ của thuyền viên. Khi nhận được các khoản tiền có liên quan đến thuyền viên chuyển từ Công ty BB thì Công ty BBHP sẽ chịu trách nhiệm nộp các khoản bảo hiểm, các khoản thuế thu nhập cho thuyền viên và chuyển trả lương cho thuyền viên hoặc gia đình thuyền viên.

Về nội dung ông M làm thuyền trưởng trên tàu NH, do tàu NH là tài sản của Công ty nên theo quy định của ngành hàng hải, Công ty phải có quyết đình điều động theo từng vị trí trên tàu, dù tàu neo đậu chờ bán; quyết định điều động thuyền trưởng xuống tàu không phải là hợp đồng lao động. Ông M không có hợp đồng hay thỏa thuận gì liên quan đến việc trả lương với Công ty nên các quyền lợi, chế độ tiền lương được Công ty BBHP chi trả; thực tế Công ty BBHP có chi trả tiền lương cho ông M và những người khác làm việc trên tàu NH; trong tài liệu. Cụ thể, hàng tháng Công ty đều gửi bảng lương làm việc trên tàu NH (và những tàu khác mà Công ty BBHP cung ứng thuyền viên) cho Công ty BBHP, Công ty BBHP ký xác nhận (vào phần xác nhận của bên cho thuê) và chuyển lại. Do vậy, ông M phải trực tiếp đối chiếu công nợ tiền lương với đơn vị cung ứng thuyền viên là Công ty BBHP như đã nêu trên.

Ngoài ra, trong thời gian ông M công tác trên tàu NH, ông M đã tạm ứng 138.00.000 đồng tiền ăn cho thuyền viên (từ ngày 31/5/2014 đến ngày 10/1/2015) từ Công ty, ông M đã làm các thủ tục thanh quyết toán chi phí tạm ứng, phải trả lại số tiền 38.820.000 đồng ứng thừa (theo bản quyết toán ngày 06/10/2015); Công ty đã có văn bản yêu cầu ông M hoàn trả lại số tiền ứng thừa này, tuy nhiên đến này ông M vẫn chưa trả số tiền tạm ứng còn lại cho công ty; Công ty không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Công ty không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M.

Đại điện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn C trình bày: Vào ngày 19/5/2012, ông có đại diện cho Công ty TNHH TB ký hợp đồng lao động số 009-12/CNTB (theo ủy quyền số 12120/CVTB ngày 12/12/2011 của Giám đốc Công ty TB). Lý do ký hợp đồng: Công ty có tàu neo đậu chờ thanh lý nên cần thuyền trưởng, ông Chu Văn M có bằng thuyền trưởng tàu biển, có nhu cầu làm việc, đã đến Công ty TB liên hệ. Công ty TB sau khi xem xét tất cả giấy tờ bằng cấp như Hộ chiếu, bằng cấp thuyền trưởng, các chứng chỉ chuyên môn… theo quy định của ngành hàng hải (tất cả các giấy tờ

trên là bản gốc). Ông M khẳng định là Thuyền trưởng tự do, tự đi liên hệ xin việc do đó Công ty TB đã ký hợp đồng với ông M. Hoàn toàn không có việc Công ty BB giới thiệu hay liên hệ giúp cho ông M. Việc ông M trong đơn gửi cho Tòa án nhân dân Quận B khẳng định rằng Công ty BB liên hệ, giới thiệu ông M cho Công ty TBlà hoàn toàn không đúng. Trong hợp đồng lao động giữa Công ty với ông M, hai bên có thỏa thuận mức lương khoán trọn cho ông M là 55.000.000 đồng/tháng, các khoản bảo hiểm ông M là tự đóng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty điều động ông M xuống tàu TB để làm việc. Thời gian làm việc trên tàu TB 36. Công ty TB đã thanh toán đầy đủ lương cho ông M. Đến ngày 16/10/2012 Công ty TBđã chấm dứt hợp đồng lao động với ông M. Các dòng chữ viết tay ghi vào hợp đồng lao động ngày 19/5/2012 tại Điều 1, Điều 3, Điều 4 là ông M tự ghi thêm vào. Hiện tại Công ty TB không còn giữ tất cả giấy tờ nào của ông M và không có bất cứ ràng buộc nào với ông M.

Tại các công văn số 1615/BHXH-QLT ngày 21/7/2016, công văn số 727/BHXH-KT ngày 18/4/2017 Bảo hiểm xã hội TPHN có ý kiến như sau:

Ông M được Công ty BB kê khai đóng các khoản bảo hiểm từ tháng 12/2008; căn cứ đóng gồm: Hợp đồng lao động số 1192/HĐLĐ-VTBB ngày 12/12/2008 (thời hạn hợp đồng là không xác định thời hạn), Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ phó phòng số 1076/QĐ-VTBB ngày 12/12/2008. Mức lương đóng bảo hiểm của ông M từ tháng 12/2008 đến tháng 11/2013 được căn cứ vào các quyết định bố trí công việc, xếp chuyển lương của Công ty BB và đối chiếu thu hàng tháng với Cơ quan Bảo hiểm. Ông M đã được Bảo hiểm xã hội TPHN giải quyết hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/02/2014 nơi hưởng tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 12/7/2016, công văn số 035/NOSCO HP ngày 06/6/2017, công văn số 044/NOSCO HP ngày 13/8/2017 Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải BBHP có ý kiến và trình bày như sau:

Công ty BBHP và Công ty BB có ký kết kết hợp đồng cung ứng thuyền viên, thực hiện từ ngày 02/01/2013 đến năm 2015 thì tạm dừng cung ứng lao động.

Công ty BBHP không tuyển dụng, ký hợp đồng lao động với ông Chu Văn M. Tàu NH là tài sản của Công ty BB, ông M làm việc trên tàu NH thì Công ty BB có trách nhiệm thanh toán tiền lương cho ông M không liên quan đến Công ty BBHP.

Do các thuyền viên của Công ty BBHP làm việc trực tiếp trên tàu NH nên Công ty BB nhờ chuyển trả lương hộ cho ông M thông qua bảng lương thuyền viên tàu NH, ông M đã nhận được hai lần chuyển tiền ngày 27/11/2014 và ngày 11/02/2015 với số tiền là 36.431.076 đồng. Công ty BB cho rằng Công ty BBHP là cơ quan tuyển dụng ông M, cung ứng thuyền viên (ông M) cho Công ty BB và Công ty BB đã thanh toán lương, phụ cấp của ông M cho Công ty BBHP khi không đưa ra được tài liệu nào là không chính xác và vô căn cứ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2016 của Tòa án nhân dân quận NQ, Thành phố Hải Phòng-Ông Đinh Ngọc L trình bày ý kiến như sau:

Việc ông M làm việc cho Công ty TB và làm thuyền trưởng tàu TB là sự thỏa thuận giữa ông M với Công ty TB và giám đốc Trung tâm cung ứng thuyền viên ông Trần Văn L; bản thân ông chỉ là nhân viên của Trung tâm thuyền viên không có thẩm quyền đưa ông M sang làm việc ở Công ty TB. Việc ông M trình bày tại Tòa án Quận 7 ông M qua làm việc tại tàu TB với sự đồng ý và thông qua của ông là không đúng sự thật, ông không có thẩm quyền. Do ở xa, không có thời gian và kinh phí đi lại nên đề nghị không tham dự phiên tòa khi xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác nhận trong thời gian làm việc trên tàu NH nguyên đơn có nhận được số tiền 174.000.000 đồng, nguyên đơn đã chi hết vào chi phí tiền ăn cho thuyền viên;

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn Công ty BB yêu cầu Tòa án xem xét đình chỉ giải quyết vụ án theo Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012 vì thời hiệu khởi kiện đối với các yêu cầu của ông M không còn.

Tại phiên tòa các bên tranh luận, theo nguyên đơn, quyết định điều động xuống tàu của Công ty BB chính là hợp đồng lao động, trong nội dung quyết định này ghi rõ nguyên đơn được hưởng mức lương tàu 10.000 tấn; đại diện bị đơn tranh luận, Công ty BB không ký, không có thỏa thuận lao động với ông Chu Văn M. Việc ký quyết định điều động thuyền viên là để làm thủ tục chung của ngành hàng hải, ông M và những thuyền viên khác được Công ty BBHP giới thiệu và Công ty BB chấp nhận và điều xuống tàu NH đều có quyết định. Ông M và các thuyền viên được điều xuống tàu NH thuộc nhóm lương chi trả cho đơn vị cung ứng thuyền viên (có xác nhận giữa Công ty và Công ty BBHP về lương thuê thuyền viên từ tháng 5 năm 2014 đến tháng 12 năm 2014 của Công ty BBHP (thuyền viên đi thuê). Công ty đã thanh toán tiền cung ứng thuyền viên cho Công ty BBHP qua các Ủy nhiệm chi (đã nộp cho Tòa), bản thân Công ty BBHP cũng thừa nhận có trả tiền lương cho ông M và các thuyền viên được thể hiện qua bảng lương gởi lại cho Công ty BB hàng tháng và tiền lương được chuyển từ tài khoản Công ty BBHP đến tài khoản ông M tại ngân hàng nên ông M cho rằng Công ty BB có thỏa thuận lao động với ông là không đúng với thực tế.

Đối với yêu cầu Công ty BB phải nộp Bảo hiểm xã hội đảm bảo quyền lợi cho ông M theo Quyết định bổ nhiệm làm thuyền trưởng tàu LB số 138/TV/08A-03/08 ngày 06/3/2008 từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 11 năm 2008 và nộp bổ sung mức đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 05 năm 2012 trở đi phải theo mức lương hưởng theo hợp đồng của tàu TB. Do thời điểm từ thàng 6 năm 2008 đến tháng 11 năm 2008 ông M đang tham gia lao động tại một đơn vị khác nên Công ty không thể ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội cho ông M. Đến tháng 12/2008, Công ty mới nhận được hồ sơ đầy đủ từ ông M thì hai bên mới ký hợp đồng lao động và thực hiện đầy đủ mọi chế độ với ông M từ tháng 12 năm 2008; đối với việc nguyên đơn ông M làm việc cho Công ty TB, trong thời gian đang làm việc cho Công ty là vi phạm hợp đồng, nội quy Công ty, không có sự đồng ý của Công ty BB, không có việc hàng tháng ông M nộp lại 12.000.000 đồng như lời trình bày của ông M tại phiên tòa. Căn cứ Điều 202 Bộ luật lao

động năm 2012, đại diện bị đơn yêu cầu Tòa án đình chỉ xét xử vì đã hết thời hiệu đối với các yêu cầu liên quan đến việc nộp bảo hiểm cho nguyên đơn.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 31/2017/LĐ-ST ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Điều 6; Điều 32 và điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 40; Điều 91; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 516 và Điều 517 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2013;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Vận tải BB (tên mới Công ty Cổ phần Vận tải PD) phải nộp các khoản bảo hiểm từ tháng 06/2008 đến tháng 11/2008, nộp bảo hiểm theo mức lương 55.000.000 đồng/tháng (năm mươi lăm triệu đồng một tháng) cho nguyên đơn ông Chu Văn M.

2. Không chấp nhận yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Vận tải BB (tên mới Công ty Cổ phần Vận tải PD) phải trả khoản tiền nợ lương 251.136.000 đồng (hai trăm năm mươi mốt triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh từ khoản tiền lương chậm trả này của nguyên đơn.

3. Không chấp nhận bổ sung các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chu Văn M tại phiên tòa:

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí lao động sơ thẩm cho nguyên đơn ông Chu Văn M.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quy định về thi hành án.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, nguyên đơn-Ông Chu Văn M nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 31/2017/ ST – LĐ ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do Tòa sơ thẩm xét xử không khách quan, sai sự thật, trái quy định của Bộ luật lao động. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn-Ông Chu Văn M không rút yêu cầu khởi kiện và không rút yêu cầu kháng cáo.

Ông M yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, cụ thể yêu cầu Công ty BB trả cho ông

M các khoản sau:

- Tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 06 năm 2008 đến hết tháng 11 năm 2008 vì từ tháng 6 năm 2008 ông M đã thôi làm việc tại Công ty Cổ phần Vận tải BVN theo giấy thôi trả lương lập ngày 10/12/2008 và thực tế từ tháng 6 năm 2008 đến hết tháng 11 năm 2008 ông đã làm việc cho Công ty BB thì Công ty BB phải nộp Bảo hiểm xã hội cho ông trong thời gian này, mức lương theo thỏa thuận là 34.000.000 đồng/tháng.

- Tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 5 năm 2012 đến khi ông M nghỉ hưu là tháng 12 năm 2013 theo mức lương 55.000.000 đồng/tháng vì hàng tháng ông có trích nộp cho Công ty BB số tiền 12.627.000 đồng theo phiếu thu số 87 lập ngày 07/01/2013. Việc ông M làm cho Công ty TB là được sự đồng ý của Công ty BB thể hiện qua việc Công ty BB đã đồng ý trả lại bản chính bằng thuyền trưởng và các giấy tờ khác liên quan cho ông M.

Trả tiền lương trong thời gian ông M làm việc trên tàu NH với mức lương 34.000.000 đồng/tháng từ 30/5/2014 đến 10/01/2015 và tiền lãi do chậm trả lương. Ông M không ký hợp đồng lao động với Công ty BB và Công ty BBHP. Ông làm việc cho Công ty BB theo Quyết định điều động thuyền viên số 389/QD-VTBB ngày 30/5/2014. Quyết định điều động số 389 chính là hợp đồng lao động, mức lương 34.000.000 đồng/tháng là mức lương ông M suy ra từ mức lương ghi trong quyết định điều động (mức lương thuyền trưởng đối với tàu vận tải dưới 10.000 tấn). Trong thời gian làm việc trên tàu NH ông M chưa nhận tiền lương nên Công ty BB phải có nghĩa vụ trả lương cho ông M căn cứ theo quyết định điều động thuyền viên của Công ty BB. Số tiền 174.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của ông không phải là tiền lương mà là các khoản phí và tiền ăn cho thuyền viên.

Ngoài ra, ông M còn yêu cầu thanh toán các khoản khác đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm. Riêng đối với khoản tiền điều trị đau răng thì tại phiên tòa phúc thẩm ông M tăng lên 100.000.000 đồng bao gồm tiền chữa đau răng và các tổn thất về sức khỏe, yêu cầu thanh toán thêm tiền vé máy bay ra Hà Nội để tham gia hòa giải cơ sở tại Bảo hiểm xã hội HN. Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài các chứng cứ có trong hồ sơ ông M không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Bị đơn–Công ty Cổ phần Vận tải BB (tên mới: Công ty Cổ phần Vận tải PD) do ông Nguyễn Đức T trình bày: Bị đơn xác nhận từ tháng 3 năm 2008 đến hết tháng 5 năm 2008 do ông M chưa chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Vận tải BVNnên thời gian này Công ty Vận tải BVN nộp bảo hiểm xã hội cho ông M. Từ tháng 6 năm 2008 đến hết tháng 11 năm 2008, do Công ty Vận tải BVN chưa chuyển hồ sơ lao động của ông M qua cho Công ty BB, đồng thời Công ty BB không nhận được quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa ông M với Công ty Vận tải BVN nên giữa ông M và Công ty BB chưa ký hợp đồng lao động, Công ty BB trả lương cho ông M từ tháng 6 năm 2008 đến hết tháng 11 năm 2008 theo hình thức khoán gọn mà không nộp tiền bảo hiểm xã hội cho ông M. Từ tháng 12 năm 2008, sau khi ký hợp đồng lao động với ông M, Công ty BB đã trả lương và nộp bảo hiểm xã hội đầy đủ cho ông M cho đến

khi ông M nghỉ hưu. Công ty BB không biết việc ông M làm cho Công ty TB. Việc Công ty giao bản chính bằng thuyền trưởng và các giấy tờ liên quan cho ông M là do ông M yêu cầu, không có việc ông M hàng tháng nộp lại cho Công ty số tiền 12.627.000 đồng như ông M trình bày. Công ty không ký hợp đồng lao động với ông M. Quyết định điều động thuyền viên không phải là hợp đồng lao động mà đó chỉ là quy định bắt buộc của ngành hàng hải khi thuyền viên lên tàu. Ông M làm việc trên tàu NH là do thực hiện hợp đồng cung ứng thuyền viên số 02-2013 ngày 02/01/2013 ký kết giữa Công ty BB và Công ty BBHP. Tất cả thuyền viên trên tàu NH đều do Công ty BBHP cung cấp cho Công ty BB. Công ty BB trả trực tiếp lương và các khoản phí trên Tàu NH theo bảng lương gửi hàng tháng cho Công ty BBHP, còn nghĩa vụ trả lương và Bảo hiểm xã hội cho các thuyền viên trên tàu NH (kể cả thuyền trưởng Chu Văn M) do Công ty BBHP chi trả theo thỏa thuận giữa Công ty BBHP và từng thuyền viên. Công ty BB chỉ trả tiền ăn cho các thuyền viên trên tàu. Thực tế ông M đã nhận 2 tháng tiền lương do Công ty BBHP chi trả thể hiện qua tài khoản thẻ ATM của ông M. Công ty BB không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bổ sung thêm chứng cứ về hồ sơ khởi kiện của Công ty BBHP kiện Công ty BB về việc yêu cầu trả tiền lương cho các thuyền viên theo hợp đồng cung ứng thuyền viên số 02-2013 ngày 02/01/2013, có các thuyền viên trên tàu NH bao gồm cả thuyền trưởng Chu Văn M.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Chu Văn M trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

- Về yêu cầu bị đơn nộp tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 06 năm 2008 đến hết tháng 11 năm 2008 và tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 5 năm 2012 đến khi ông M nghỉ hưu là tháng 12 năm 2013 theo mức lương 55.000.000 đồng/tháng.

Theo xác nhận của nguyên đơn và bị đơn, ông M đã làm việc cho Công ty BB từ tháng 6 năm 2008 đến hết tháng 11 năm 2008. Công ty BB đã trả lương đầy đủ cho ông M nhưng không nộp bảo hiểm xã hội cho ông M trong thời gian này. Hội đồng xét xử nhận thấy: Dù hai bên không ký hợp đồng lao động nhưng

thực tế ông M đã làm việc cho Công ty BB nên Công ty BB phải nộp Bảo hiểm xã hội cho ông M theo quy định của Bộ luật lao động.

Ông M cho rằng trong thời gian ông làm việc cho Công ty BB, được sự đồng ý của Công ty BB, nguyên đơn có làm việc tại Công ty TB từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 10 năm 2012 với mức lương 55.000.000 đồng/tháng (không bao gồm Bảo hiểm xã hội...), hàng tháng ông có nộp cho Công ty BB số tiền 12.627.000 đồng (thể hiện qua phiếu thu số 87 lập ngày 07/01/2013) nhưng Công ty chỉ đóng Bảo hiểm xã hội cho ông theo mức lương 4.600.000 đồng là thiệt hại đến quyền lợi của ông. Xét phiếu thu số 87 lập ngày 07/01/2013, nội dung lý do nộp tiền là nộp tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 1/2012 đến tháng 9/2012 cho ông Chu Văn M, không phải là tiền ông M nộp hàng tháng trích từ số tiền lương 55.000.000 đồng cho Công ty BB như ông M trình bày. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Theo Quyết định nghỉ việc để hưởng bảo hiểm xã hội số 581/QD9-VTBB ngày 18/12/2013 thì ông M được nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí hàng tháng từ ngày 01/02/2014. Tại Quyết định số 20001401581/QĐ-BHXH ngày 03/3/2014; Bản quá trình đóng Bảo hiểm xã hội, ông M đã trực tiếp nhận lương hưu tại Bảo hiểm xã hội Quận 7 từ tháng 5 tháng 2014 với số tiền lương hưu hàng tháng là 4.168.847 đồng. Từ khi nhận sổ Bảo hiểm xã hội và nhận lương hưu, ông M không thắc mắc khiếu nại hay tranh chấp về việc Công ty BB không nộp Bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 6 năm 2008 đến hết tháng 11 năm 2008, mức lương làm căn cứ nộp Bảo hiểm xã hội trong thời gian ông M làm việc tại Công ty BB cũng như số tiền Bảo hiểm xã hội trong thời gian ông M làm việc tại Công ty TB. Ngày 16/12/2015, ông M mới có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận B để giải quyết các yêu cầu trên là đã hết thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012. Do đó Tòa cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu trên của ông M là có căn cứ.

- Về các yêu cầu bổ sung của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm: Các khoản thiệt hại bị mất thu nhập do kiện Công ty BB không đi làm được, tiền ăn của thuyền viên trên tàu NH từ 30/5/2014 đến 10/01/2015, chi phí tiếp khách trong thời gian làm thuyền trưởng trên tàu NH, tiền công do các thuyền viên trên tàu NH phải kiêm nhiệm thêm từ 30/5/2014 đến 10/01/2015, tiền thuốc điều trị đau răng, tiền bồi thường ngày lễ, tết (30/4 và 01/5/2014, 02/9/2014, 01/01/2015) cho thuyền viên trên tàu NH.

Xét đơn khởi kiện lập ngày 25/12/2016, ngày 28/12/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý sơ thẩm đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có văn bản nào thể hiện việc ông M yêu cầu tòa án giải quyết các yêu cầu trên. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M mới bổ sung các yêu cầu này. Các yêu cầu bổ sung tại phiên tòa sơ thẩm cúa ông M là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa cấp sơ thẩm không xem xét các yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có bổ sung thêm yêu cầu buộc bị đơn bồi thường 100.000.000 đồng do bị tổn hại sức khỏe trong quá trình kiện tụng

(bao gồm 10.000.000 đồng tiền thuốc trị đau răng) và tiền vé máy nguyên đơn bay ra Hà Nội để tham gia hòa giải cơ sở tại Bảo hiểm xã hội HN. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn tòa cấp sơ thẩm chưa xem xét. Tòa cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại những yêu cầu đã được tòa cấp sơ thẩm xem xét giải quyết nên tòa cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét các yêu cầu bổ sung của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về yêu cầu trả tiền lương trong thời gian ông M làm việc trên tàu NH với mức lương 34.000.000 đồng/tháng từ 30/5/2014 đến 10/01/2015 là 251.136.000 đồng và tiền lãi do chậm trả lương.

Căn cứ hợp đồng liên kết cung ứng thuyền viên số 02-2013/HĐLK lập ngày 02/01/2013 giữa Công ty BB và Công ty BBHP thể hiện Công ty BBHP giới thiệu, cung ứng và trả lương cho thuyền viên Công ty cung ứng (Điều 2 hợp đồng), Công ty BB có trách nhiệm trả cho Công ty BBHP toàn bộ tiền lương của thuyền viên sau khi đã khấu trừ các khoản tạm ứng (mục 2.7 của hợp đồng).

Căn cứ các ủy nhiệm chi và các bảng trả lương tàu NH (BL 309-316) từ tháng 5 năm 2014 đến tháng 12 năm 2014 (có xác nhận của Công ty BBHP là bên cho thuê thuyền viên) thì ông Chu Văn M có tên trong danh sác thuyền viên làm trên tàu NH. Ông M được Công ty BBHP trả lương từ tháng 5 năm 2014 đến tháng 12 năm 2014 qua tài khoản của ông M. Mặt khác, theo bản sao kê tài khoản số 0031000143275 của ông Chu Văn M do Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương cung cấp (BL 382-386) thì thực tế Công ty BBHP đã chuyển lương cho ông M qua tài khoản của ông M tại Ngân hàng ngoại thương tiền lương tháng 8 năm 2014 (lương của ông Chu Văn M tháng 8 năm 2014 ở tàu NH, đơn vị chuyển là Công ty BBHP) vào ngày 27/11/2014. Ngoài ra theo bản sao kê tài khoản lập ngày 24/02/2016 (BL 113-114) do ông M cung cấp cũng thể hiện ông M đã được Công ty BBHP thanh toán tiền lương làm việc trên tàu NH tháng 8 năm 2014 vào ngày 27/11/2014 và tiền lương tháng 11 năm 2014 vào ngày 11/02/2015. Bản sao kê còn thể hiện ông M đã nhiều lần rút số tiền lương nêu trên.

Ngày 24/01/2017, Công ty BBHP đã có đơn khởi kiện Công ty BB yêu cầu Công ty BB trả tiền lương của các thuyền viên theo hợp đồng liên kết cung ứng thuyền viên số 02-2013/HĐLK ngày 02/01/2013 được ký kết giữa hai Công ty, trong đó bao gồm các thuyền viên trên tàu NH (có thuyền trưởng Chu Văn M) theo danh sách tiền lương mà Công ty BB đã gửi cho Công ty BBHP từ tháng 5 năm 2014 đến tháng 12 năm 2014 và giữa hai Công ty đã giải quyết với nhau bằng Quyết định công nhận thỏa thuận giữa các đương sự số 01/2018/QĐST-LĐ ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Nguyên đơn cho rằng Quyết định điều động thuyền viên số 389/QD9-VTBB ngày 30/5/2014 điều động nguyên đơn xuống tàu NH chính là hợp đồng lao động, trong đó mức lương 34.000.000 đồng là mức lương đối với tàu có trọng tải dưới 10.000 tấn. Bị đơn cho rằng quyết định điều động thuyền viên không phải là hợp đồng lao động mà chỉ là thủ tục bắt buộc của ngành hàng hải khi có thuyên viên xuống tàu. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các chứng cứ do

bị đơn cung cấp thì trong quá trình ông M làm việc tại Công ty BB từ tháng 3 năm 2008, Công ty BB đã ban hành rất nhiều quyết định điều động thuyền viên đối với ông M, chẳng hạn Quyết định số 138 ngày 08/3/2008 điều động ông M xuống tàu LB (BL 189), Quyết định điều động thuyền viên ngày 06/2/2013 (BL 286) điều động ông M xuống tàu Nosco Trader (BL 286) và nhiều Quyết định điều động thuyền viên trong năm 2009-2014 (BL 355-361, BL 277-283) và khi thuyền viên rời tàu cũng phải có quyết định rời tàu. Mặt khác, Quyết định điều động không đáp ứng những nội dung cơ bản của hợp đồng lao động quy định trong bộ luật lao động nên không phải là hợp đồng lao động.

Ngoài ra, theo lời trình bày của nguyên đơn, sau khi rời tàu NH, nguyên đơn có khiếu nại đến Công ty BBHP về việc không trả lương cho nguyên đơn trong thời gian nguyên đơn làm việc trên tàu NH ngày 11/12/2015. Công ty BBHP có công văn số 331/NOSCO HP trả lời không đồng ý khiếu nại của nguyên đơn. Sau đó nguyên đơn mới khởi kiện Công ty BB, điều này chứng tỏ giữa Công ty BBHP và Công ty BB có liên quan đến việc nguyên đơn làm việc trên tàu NH chứ không phải chỉ là quan hệ lao động giữa nguyên đơn và Công ty BB.

Từ những nhận định nêu trên có cơ sở xác định việc nguyên đơn làm việc trên tàu NH là thực hiện theo hợp đồng liên kết cung ứng thuyền viên số 02-2013/HĐLK ngày 02/01/2013 được ký kết giữa hai Công ty BBHP và Công ty BB. Ông M là thuyền trưởng được Công ty BBHP giới thiệu, cung ứng cho Công ty BB. Tiền lương của các thuyền viên trên tàu NH (kể cả thuyền trưởng Chu Văn M) do Công ty BBHP trực tiếp chi trả. Công ty BB không có nghĩa vụ trả lương trực tiếp cho các thuyền viên trên tàu NH (trong đó có ông M). Ông M phải khởi kiện Công ty BBHP để yêu cầu trả tiền lương trong thời gian ông làm việc trên tàu NH chứ không phải Công ty BB. Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Công ty BB trả khoản tiền nợ lương 251.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh do chậm trả lương là có căn cứ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn-Ông Chu Văn M.

Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 31/2017/LĐ-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 6; Điều 32 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 40; Điều 91; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 516 và Điều 517 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2013;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Vận tải BB (tên mới Công ty Cổ phần Vận tải PD) phải nộp các khoản bảo hiểm từ tháng 06 năm 2008 đến tháng 11 năm 2008, nộp bảo hiểm theo mức lương 55.000.000 đồng/tháng (năm mươi lăm triệu đồng một tháng) cho nguyên đơn ông Chu Văn M.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Vận tải BB (tên mới Công ty Cổ phần Vận tải PD) phải trả khoản tiền nợ lương 251.136.000 đồng (hai trăm năm mươi mốt triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh từ khoản tiền lương chậm trả này của nguyên đơn.

3. Không chấp nhận bổ sung các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chu Văn M tại phiên tòa.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí lao động sơ thẩm và án phí lao động phúc thẩm cho nguyên đơn ông Chu Văn M.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận B;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thoa